

Bản án số: 181/2023/HS-PT

Ngày: 30-5-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**

Ông **Phạm Văn Hợp.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Thế Vinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30-5-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 99/2023/TLPT-HS ngày 23-02-2023 đối với bị cáo **Đỗ Chí T** cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2023/HS-ST ngày 16-01-2023 của Tòa án nhân dân Thừa Thiên Huế.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Đỗ Chí T, sinh ngày 27-3-1962 tại Nghệ An; nơi đăng ký HKTT: tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Cảng Hàng không quốc tế P; con ông Đỗ Chí C và bà Trịnh Thị P (đều đã chết); vợ là Nguyễn Thị Thu H và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 28-7-2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Xuân L, sinh ngày 02-12-1978 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Chánh văn phòng, kiêm Kế toán Cảng Hàng không quốc tế P; con ông Trần Xuân S (đã chết) và bà D Thị N; vợ là Đặng Thị T H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 24-7-2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Văn L1, sinh ngày 02-11-1967 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Phó Giám

độc Cảng Hàng không quốc tế P; con ông Lê Văn B và bà Hồ Thị G (đều đã chết); vợ là Trần Thị Lệ H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 28-7-2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Văn H, sinh ngày 01-01-1965 tại Quảng Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty Cổ phần P; con ông Nguyễn C (đã chết) và bà Võ Thị M; vợ là Lê Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19-11-2021; đến ngày 25-8-2022, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 13-6-1988 tại Thái Bình; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty Cổ phần Taxi T; con ông Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Nguyễn Xuân T) và bà Trần Thị N; vợ là Hoàng Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19-11-2021; đến ngày 25-8-2022, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

6. Lê Quốc C, sinh ngày 11-6-1979 tại Quảng Bình; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng Phòng An ninh hàng không Cảng Hàng không quốc tế P; con ông Lê Kiên T (đã chết) và bà Nguyễn Thị X; vợ là Nguyễn Thị Kim N và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 08-01-2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên tòa.

- *Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:*

Người bào chữa:

1. Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Chí T:

Luật sư **Lê Thị Trà M** - Công ty Luật hợp danh T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo Trần Xuân L:

- Luật sư **Trần Đức A** - Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên tòa.

- Luật sư **Nguyễn Thị Khánh T** - Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên tòa.

3. Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn L1:

Luật sư **Đặng Thị Ngọc H** - Công ty Luật N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên tòa.

4. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến Đ:

- Luật sư **Nguyễn Thị M** - Công ty luật TNHH S, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: thành phố Hà Nội, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Luật sư **Trần Văn L** - Công ty Luật TNHH DTT Hà T, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

5. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H:

- Luật sư **Hoàng Trọng Đ** - Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên tòa.

- Luật sư **Văn P** - Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên tòa.

6. Người bào chữa cho bị cáo Lê Quốc C:

- Luật sư **Nguyễn Cao H** - Công ty luật TNHH H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Luật sư **Hoàng Văn H** - Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự:

1. Cảng Hàng không quốc tế P; địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Anh Đ** - Chức vụ: Phó Giám đốc, có mặt tại phiên tòa.

2. Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP; địa chỉ: T phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Vũ Thế P** - Chức vụ: Tổng Giám đốc, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông **Nguyễn Ngọc A**; địa chỉ cư trú: T phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Ông **Nguyễn Thế H** - Chuyên viên Ban Pháp chế; địa chỉ cư trú: T phố Hồ Chí Minh, có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn dân sự:

1. Công ty Cổ phần Taxi T; địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Anh Q** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; địa chỉ cư trú: thành phố Hà Nội, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Cổ phần Taxi T:

- Luật sư **Đặng Thị Vân T** - Văn phòng Luật sư Đ và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

- Luật sư **Đặng Văn S** - Văn phòng Luật sư Đ và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

2. Công ty Cổ phần P (TV); địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Giáp H** - Chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Minh C** - Chức vụ: Phó Giám đốc, có mặt tại phiên tòa.

3. Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải P (TV); địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Quốc K** - Chức vụ: Tổng Giám đốc có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Yến P, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Đặng Thị T H, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên tòa.

3. Bà Trần Thị Lệ H, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên tòa.

4. Ông Nguyễn Anh Q, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: thành phố Hà Nội, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1988; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

(Vụ án còn có 03 bị cáo nhưng không kháng cáo và không bị kháng nghị; có 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác và 47 người làm chứng, nhưng không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cảng Hàng không quốc tế (sau đây viết tắt là Cảng HKQT) P, tỉnh Thừa Thiên Huế là Chi nhánh trực thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP, được đăng ký hoạt động lần đầu ngày 18-5-2012 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế, người đại diện theo pháp luật là Đỗ Chí T - Giám đốc. Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và Thông tư số 17/2016/TT ngày 30-6-2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết về quản lý khai thác Cảng hàng không sân bay, Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP giao cho Cảng Hàng không quốc tế P được triển khai lựa chọn đơn vị được nhượng quyền khai thác dịch vụ vận tải hành khách bằng phương tiện Taxi thông qua hình thức đấu giá.

Ngày 07-9-2017, Đỗ Chí T ký Quyết định số 52/QĐ-CHKPB thành lập Tổ đấu giá gồm 03 thành viên, gồm: Lê Văn L1 - Phó Giám đốc Cảng HKQT P là Tổ trưởng, Trần Xuân L - Chánh Văn phòng, kiêm phụ trách Kế toán Cảng HKQT P là Tổ phó và Lê Quốc C - Trưởng phòng Phòng An ninh hàng không Cảng HKQT P là tổ viên.

Ngày 15-9-2017, Đỗ Chí T ký ban hành Quy chế số 345/QC-CHKQTPB về việc đấu giá lựa chọn đơn vị nhượng quyền khai thác hành khách bằng Taxi tại Cảng HKQT P. Trong đó, quy định đấu giá 03 vòng và chọn ra 03 hãng Taxi để nhượng quyền khai thác; giá ký hợp đồng là giá bình quân của các mức giá trả cao nhất; mỗi hãng Taxi sẽ có 12 vị trí đỗ chờ và 01 vị trí đón khách. Ngày 27-9-2017, Cảng HKQT P tổ chức đấu giá nhượng quyền khai thác dịch vụ vận tải hành khách bằng Taxi tại trụ sở Cảng HKQT P. Có 05 hãng Taxi tham gia đấu giá gồm: Công ty Cổ phần P (TV), Công ty Cổ phần Taxi T (Taxi T công), Công ty TNHH MTV M Huế (Taxi M), Công ty Cổ phần Đầu tư du lịch K (S Taxi) và Công ty Cổ phần du

lich H (Taxi H). Vòng 1: Cả 05 hãng Taxi tham gia đấu đều đề giá 110.000.000 đồng/tháng, nên không có hãng nào trúng; vòng 2: Nguyễn Tiến Đ - Giám đốc Taxi T Công trúng đấu giá 180.000.000 đồng/tháng, 04 hãng Taxi còn lại cùng đề giá 115.000.000 đồng/tháng; vòng 3: Nguyễn Văn H - Giám đốc TV đề giá 505.000.000 đồng/tháng, nên đã trúng đấu giá. Kết quả đấu giá, có 02 hãng Taxi đấu trúng là TV 505.000.000 đồng/tháng và Taxi T Công 180.000.000 đồng/tháng. Theo Quy chế thì mức giá trúng đấu là (505.000.000 đồng + 180.000.000 đồng): 2 = 342.500.000 đồng/tháng/hãng Taxi, là giá ký hợp đồng nhượng quyền khai thác dịch vụ vận tải hành khách bằng Taxi tại Cảng HKQT P.

Sau khi đấu giá xong, Nguyễn Tiến Đ - Giám đốc Taxi T Công đã gặp Trần Xuân L để xin giảm giá ký hợp đồng, với lý do giá trúng đấu quá cao, nên hãng không thể duy trì hoạt động khai thác nhượng quyền Taxi trong thời gian dài. Nguyễn Tiến Đ trao đổi với Trần Xuân L về mức giá phù hợp để hãng có thể duy trì là khoảng 200.000.000 đồng/tháng. Lợi dụng mong muốn được giảm giá ký hợp đồng của các hãng Taxi, Đỗ Chí T và Trần Xuân L đã bàn bạc, thống nhất giảm giá ký hợp đồng nhượng quyền cho hãng TV và hãng Taxi T Công. Đổi lại, đại diện các hãng Taxi phải đưa một khoản tiền ngoài hợp đồng cho Trần Xuân L, cụ thể: Đỗ Chí T và Trần Xuân L thống nhất giảm cho TV từ 342.500.000 đồng/tháng xuống còn 285.500.000 đồng/tháng; giảm cho Taxi T Công từ 342.500.000 đồng/tháng xuống còn 200.000.000 đồng/tháng, nhưng giá ghi trong hợp đồng chính thức là 120.000.000 đồng/tháng/hãng Taxi và hàng tháng Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Văn H phải chuyển tiền vào tài khoản của Cảng HKQT P, số tiền còn lại Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Văn H đưa cho Trần Xuân L. Sau đó, L báo lại cho Lê Văn L1 - Phó Giám đốc biết về việc cho giảm giá, ký Hợp đồng nhượng quyền Taxi 120.000.000 đồng/tháng/hãng Taxi và nhận số tiền ngoài hợp đồng, được Lê Văn L1 đồng ý.

Sau khi Đỗ Chí T, Trần Xuân L và Lê Văn L1 bàn bạc, thống nhất, L đã trực tiếp gặp đại diện hai hãng Taxi là Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Văn H để thỏa thuận việc hạ giá ký trong hợp đồng thấp hơn so với giá trúng đấu như yêu cầu của Nguyễn Tiến Đ như sau: Đối với TV giảm từ 342.500.000 đồng/tháng xuống còn 285.500.000 đồng/tháng; đối với Taxi T Công giảm xuống còn 200.000.000 đồng/tháng; giá ghi trong hợp đồng chính thức là 120.000.000 đồng/tháng. Như vậy, số tiền chênh lệch theo hợp đồng chính thức và thỏa thuận miệng, thì hai bên đều có lợi, số tiền này Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Văn H phải đưa riêng cho Trần Xuân L. Dù biết việc hạ giá ký hợp đồng và đưa tiền riêng cho L là vi phạm pháp luật, nhưng thấy công ty mình cũng có lợi, nên Đ và H đều đồng ý. L yêu cầu Đ và H đưa trực tiếp tiền chênh lệch so với hợp đồng ký chính thức cho L bằng tiền mặt. Nguyễn Tiến Đ đồng ý, nhưng Nguyễn Văn H không đồng ý, vì lý do Công ty TV không có tiền mặt, nên chuyển khoản. Do đó, để tránh bị phát hiện, L không dùng tài khoản cá nhân của mình, mà yêu cầu H chuyển vào Tài khoản số 0161000098466 đứng tên Hồ Văn L1. Trước đó, L đã liên hệ với Hồ Văn L1 (là bạn của L) để mượn Thẻ ATM, số Tài khoản 0161000098466 và mật khẩu thẻ ATM để sử dụng và từ tháng 10-2017, L trực tiếp quản lý, sử dụng tài khoản và Thẻ ATM này.

Ngày 30-9-2017, Đỗ Chí T ký hợp đồng nhượng quyền khai thác đối với dịch vụ vận tải hành khách bằng Taxi (gọi tắt là “Hợp đồng nhượng quyền Taxi”) với Nguyễn Tiến Đ - Giám đốc Taxi T Công và Nguyễn Văn H - Giám đốc TV. Giá

ghi trong hợp đồng là 120.000.000 đồng/tháng/hãng Taxi; thời hạn hợp đồng là 27 tháng, tính từ ngày 01-10-2017 đến hết ngày 31-12-2019 (đến năm 2020, Cảng HKQT P ký Phụ lục gia hạn hợp đồng nhượng quyền Taxi với 02 hãng Taxi thêm 12 tháng, đến hết ngày 31-12-2020). Số tiền 120.000.000 đồng/tháng này, Nguyễn Văn H chỉ đạo bộ phận kế toán TV, Nguyễn Tiến Đ chỉ đạo bộ phận Kế toán Taxi T Công chuyển vào tài khoản của Cảng HKQT P. Từ tháng 10-2017 đến 12-2019 chuyển vào Tài khoản số 110000024491 - Ngân hàng TMCP C Huế; từ 01-2020 đến 12-2020 chuyển vào Tài khoản số 55610000976689 - Ngân hàng B, thành phố Huế. Số tiền chênh lệch đã thỏa thuận, Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Văn H đưa cho Trần Xuân L như sau:

- Đối với Taxi T Công: Số tiền chênh lệch là (200.000.000 đồng - 120.000.000 đồng) = 80.000.000 đồng/tháng. Số tiền này, Nguyễn Tiến Đ trực tiếp đưa tiền mặt, đưa đầy đủ hàng tháng cho Trần Xuân L từ tháng 10-2017 đến hết năm 2019. Đến năm 2020, do tình hình dịch bệnh Covid-19, khó gặp mặt, nên ngoài những lần gặp Trần Xuân L đưa tiền mặt, Nguyễn Tiến Đ 03 (ba) lần chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng cho Trần Xuân L (số Tài khoản 107004864430 - Ngân hàng TMCP C Việt Nam). Tổng số tiền Đ đưa cho L là 2.648.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm bốn mươi tám triệu đồng).

- Đối với TV: Số tiền chênh lệch (285.500.000 đồng - 120.000.000 đồng) = 165.500.000 đồng/tháng, chia làm 02 khoản: 80.000.000 đồng và 85.500.000 đồng. Trong đó: 80.000.000 đồng sẽ chuyển hàng tháng, còn 85.500.000 đồng sẽ nhận với 27 tháng và chuyển trong 03 kỳ. Từ tháng 10-2017 đến tháng 10-2019, Nguyễn Văn H chỉ đạo Lý Diệu T - Kế toán trưởng 09 (chín) lần chuyển tiền cho Trần Xuân L qua tài khoản Hồ Văn L1, với tổng số tiền là 2.809.500.000 đồng (hai tỷ tám trăm lẻ chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Trần Đình H là Phó Giám đốc Công ty TV. Từ tháng 10-2019 đến tháng 4-2021, Trần Đình H làm Giám đốc Công ty TV thay Nguyễn Văn H. Trần Đình H báo cáo việc chuyển tiền ngoài hợp đồng cho Nguyễn Văn H (lúc này H là Chủ tịch hội đồng quản trị công ty) rồi cùng Lý Diệu T tiếp tục 03 (ba) lần chuyển tiền ngoài hợp đồng cho Trần Xuân L qua tài khoản Hồ Văn L1 với tổng số tiền 799.000.000 đồng (bảy trăm chín mươi chín triệu đồng).

Đối với Lý Diệu T - Kế toán trưởng Công ty TV, từ tháng 10-2017 đến ngày 31-12-2020 đã nhận chỉ đạo của Nguyễn Văn H và Trần Đình H 12 (mười hai) lần chuyển tiền hối lộ cho Trần Xuân L (qua tài khoản đứng tên Hồ Văn L1), với tổng số tiền là 3.608.500 đồng.

Tổng số tiền Trần Xuân L nhận từ Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Văn H là 6.256.500.000 đồng (sáu tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền này, Trần Xuân L lập danh sách chia theo phương án đã thống nhất từ trước với Đỗ Chí T, cụ thể: Khoảng hơn 50% sẽ chi trái pháp luật cho các hoạt động có liên quan đến Cảng Hàng không quốc tế P, số tiền còn lại chia cho Đỗ Chí T, Lê Văn L1, Trần Xuân L và chi cho Phùng Tuấn D - Phó Giám đốc Cảng HKQT P. Chia theo tỷ lệ: Đỗ Chí T 2 phần, Lê Văn L1 1,5 phần, Trần Xuân L 1,3 phần. Trần Xuân L đã lập danh sách 12 lần chia tiền và sử dụng số tiền trên như sau:

- Đỗ Chí T nhận 685.000.000 đồng (sáu trăm tám mươi lăm triệu đồng).
- Lê Văn L1 nhận 512.000.000 đồng (năm trăm mười hai triệu đồng).

- Trần Xuân L nhận 444.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

- Phùng Tuấn D (Phó Giám đốc CHKQT P) nhận không theo tỉ lệ, với tổng số tiền 185.000.000 đồng, cụ thể: Từ 10-2017 đến tháng 08-2020, D đã 09 (chín) lần nhận từ Trần Xuân L, với tổng số tiền là 185.000.000 đồng. Quá trình điều tra, Phùng Tuấn D khai nhận D biết rõ trong khoảng thời gian từ tháng 10-2017 đến ngày 31-12-2020 có hai hãng Taxi (TV và Taxi T Công) có hợp đồng khai thác dịch vụ vận tải hành khách bằng Taxi tại Cảng HKQT P, D nhận thức được các khoản thu nhập hợp pháp mà D được nhận chỉ gồm các khoản như: Lương, thưởng và phụ cấp, các khoản này đều có nguồn gốc rõ ràng và được chuyển vào tài khoản cá nhân của D, do đó số tiền 185.000.000 đồng nhận từ Trần Xuân L là tiền bất hợp pháp.

- Số tiền 4.350.500.000 đồng (bốn tỷ ba trăm ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng) Đỗ Chí T, Lê Văn L1, Trần Xuân L khai chi cho các hoạt động chung có liên quan đến Cảng HKQT P như tiếp các đoàn đến Cảng HKQT P công tác, chi quà cho các dịp lễ tết cho các cơ quan, tổ chức có mối quan hệ phối hợp với Cảng HKQT P.... Việc chi tiền này do Trần Xuân L tham mưu, Đỗ Chí T quyết định. Lê Văn L1 biết về việc chi chung này, nhưng không biết cụ thể số tiền và chi như thế nào; còn lại 80.000.000 đồng, Trần Xuân L nhận trong tháng 01-2021, trong đó đã chi cho các hoạt động chung 65.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng chưa sử dụng L đang giữ. Các hoạt động chi này không đúng các quy định pháp luật, không có chứng từ, sổ sách theo dõi. Quá trình điều tra không xác định được các bị cáo đã sử dụng hết số tiền này như thế nào.

Ngoài ra, vào khoảng tháng 02-2018, Nguyễn Tiến Đ muốn tăng thêm số lượng xe Taxi để đáp ứng nhu cầu đón khách; đồng thời, không để tình trạng xe Taxi phải đỗ chờ ở ngoài Quốc lộ 1A bên ngoài Cảng HKQT P gây lộn xộn, mất an ninh trật tự. Vì vậy, Nguyễn Tiến Đ gặp Trần Xuân L, Đỗ Chí T để xin được tăng thêm vị trí đỗ, chờ khai thác. Tại các cuộc họp giao ban, Đỗ Chí T đã đồng ý và giao cho Trần Xuân L, Lê Quốc C - Trưởng phòng Phòng An ninh hàng không Cảng HKQT P thực hiện. Khoảng 02 ngày sau, khi thấy hãng Taxi T Công có thêm 12 vị trí đỗ chờ và 01 vị trí đón khách trên tại Cảng HKQT P, thì Nguyễn Văn H cũng liên hệ với Trần Xuân L để có được 12 vị trí đỗ chờ khai thác và 01 vị trí đón khách tại CHKQT P và Nguyễn Văn H cũng đồng ý đưa 12.000.000 đồng/tháng cho Trần Xuân L. Tại cuộc họp giao ban Cảng HKQT P, Đỗ Chí T giao cho Trần Xuân L và Lê Quốc C phối hợp làm việc với Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Văn H để đồng ý cho thêm 12 vị trí đỗ chờ khai thác và 01 vị trí đón khách. Số lượng 24 vị trí đỗ chờ khai thác và 02 vị trí đón khách có được của cả 02 hãng Taxi được xác định tại các vị trí sau: 12 vị trí đỗ chờ ở làn xe ô tô phía trước Đài kiểm soát không lưu - Cảng HKQT P, 12 vị trí đỗ chờ tại làn xe ô tô ở khu vực Taxi đỗ chờ khai thác và 02 vị trí đón khách trước ga đến.

Đối với việc thu số tiền 12.000.000 đồng/tháng của hai hãng Taxi, Đỗ Chí T giao Văn phòng và Phòng An ninh thu, cụ thể: Trần Xuân L và Lê Quốc C mỗi người thu tiền của mỗi hãng Taxi 12.000.000 đồng/tháng. Số tiền của hãng TV được Nguyễn Văn H chỉ đạo Lý Diệu T - Kế toán trưởng chuyển cho Trần Xuân L qua Tài khoản số 0161000098466 mang tên Hồ Văn L1, với tổng số tiền là 144.000.000 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Đối với hãng Taxi T Công

được Nguyễn Tiến Đ khai nhận đưa bằng tiền mặt cho Lê Quốc C, ba tháng đưa một lần, với tổng số tiền là 282.000.000 đồng. Trong đó 07 lần Đ đưa trực tiếp cho Lê Quốc C tại phòng làm việc của C là 210.000.000 đồng và 02 lần bỏ tiền vào phong bì (72.000.000 đồng) đưa cho anh Lê Đình T - Phó phòng Phòng An ninh hàng không Cảng HKQT P để nhờ anh T đưa lại cho Lê Quốc C. Anh Lê Đình T khai có nhận 02 phong bì do Đ đưa để chuyển cho C, nhưng không biết trong phong bì Đ đưa có 72.000.000 đồng. Lê Quốc C khai nhận, vào đầu năm 2019, Đ đã gặp C để trao đổi việc chi cho C số tiền 12.000.000 đồng/tháng để có được 12 vị trí đỗ chờ và 01 vị trí đón khách, C đã báo cáo lại Đỗ Chí T và được T đồng ý, với lý do không làm ảnh hưởng đến Cảng HKQT P. Lê Quốc C còn khai nhận, Đ là người trực tiếp đưa tiền mặt 12.000.000 đồng mỗi tháng cho C, trong đó có một hai lần Đ đưa phong bì chứa tiền cho anh Lê Đình T để nhờ chuyển lại cho C, sự việc này được diễn ra trong năm 2019.

- Về thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra:

Theo kết quả đấu giá, thì giá trúng đấu và ký hợp đồng nhượng quyền khai thác hành khách bằng Taxi là 342.500.000 đồng/tháng/hãng Taxi. Tuy nhiên, Đỗ Chí T, Trần Xuân L và Lê Văn L1 thống nhất với Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Văn H giảm trái pháp luật từ 342.500.000 đồng/tháng xuống còn 285.500.000 đồng/tháng đối với hãng TV và giảm còn 200.000.000 đồng/01 tháng đối với hãng Taxi T Công. Giá ghi trong hợp đồng là 120.000.000 đồng/tháng/hãng Taxi. Số còn lại, Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Văn H đưa hối lộ cho Trần Xuân L. Thời gian thực hiện là 27 tháng, tính từ ngày 01-10-2017 đến hết ngày 31-12-2019. Như vậy, các bị cáo đã gây thiệt hại cho Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam số tiền 222.500.000 đồng/tháng/hãng Taxi, cụ thể:

- Từ 01-10-2017 đến ngày 31-12-2019: 222.500.000 đồng/tháng/hãng Taxi x 27 tháng x 02 hãng Taxi = 12.015.000.000 đồng (mười hai tỷ không trăm mười lăm triệu đồng).

- Từ 01-2020 đến tháng 12-2020: Cảng HKQT P không tiến hành đấu giá lại, mà chỉ ký Phụ lục gia hạn hợp đồng 120.000.000 đồng/tháng. Đây là giai đoạn xảy ra dịch Covid-19, tình hình kinh doanh không ổn định, nên Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam có miễn, giảm số tiền nhượng quyền Taxi. Vì vậy, trong giai đoạn này không xác định được giá trị thực của hợp đồng nhượng quyền Taxi. Do đó, không xác định thiệt hại các bị cáo gây ra trong giai đoạn này.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2023/HS-ST ngày 16-01-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế:

1. Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 354; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Đỗ Chí T 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28-7-2021.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ quản lý trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 354; các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Trần Xuân L 15 (mười lăm)** năm tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24-7-2021.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ quản lý trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 354; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Lê Văn L1 09 (chín)** năm tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28-7-2021.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ quản lý trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

4. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 354; điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Lê Quốc C 02 (hai)** năm tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08-01-2022.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ quản lý trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

5. Áp dụng khoản 4 Điều 364; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Tiến Đ 07 (bảy)** năm tù về tội “Đưa hối lộ”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 19-11-2021 đến ngày 25-8-2022).

6. Áp dụng khoản 4 Điều 364; các điểm s, r, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Văn H 07 (bảy)** năm tù về tội “Đưa hối lộ”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 19-11-2021 đến ngày 25-8-2022).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo **Phùng Tuấn D 03 (ba)** năm tù về tội “Nhận hối lộ”; xử phạt **Lý Diệu T 03 (ba)** năm tù, **Trần Đình H** tù 02 (**hai**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Đưa hối lộ”, nhưng đều cho các bị cáo hưởng án treo; quyết định về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 16-01-2023, Lê Quốc C kháng cáo, đề nghị hủy bản án để điều tra lại hoặc tuyên bị cáo không có tội.

- Ngày 16-01-2023, Nguyễn Văn H kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 17-01-2023, Đỗ Chí T kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 17-01-2023, Lê Văn L1 kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 17-01-2023, Trần Xuân L kháng cáo xin giảm hình phạt và tuyên buộc bị cáo bồi thường phù hợp với vai trò và với số tiền bị cáo đã nhận.

- Ngày 19-01-2023, Nguyễn Tiến Đ kháng cáo xin giảm hình phạt và đề nghị

trả lại 1.300.000 đồng cho gia đình bị cáo.

- Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 105/QĐ-VKSTTH-P1 ngày 27-01-2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: (1) Xác định số tiền gây thiệt hại của Đỗ Chí T, Trần Xuân L và Lê Văn L1 qua hành vi nhận hối lộ là 12.015.500.000 đồng; áp dụng thêm điểm b khoản 4 Điều 354 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Chí T, Trần Xuân L và Lê Văn L1; buộc các bị cáo Đỗ Chí T, Trần Xuân L và Lê Văn L1 phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam số tiền 12.015.500.000 đồng; (2) Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự để xét xử đối với bị cáo Lê Quốc C về tội “Nhận hối lộ” và tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Quốc C.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo bản án; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kháng nghị bản án; đơn kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát là trong hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 và khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xác định bà Hoàng Thị H, sinh năm 1988 (là vợ bị cáo Nguyễn Tiến Đ) là người làm chứng. Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận được đơn đề nghị của bà Hoàng Thị H có nội dung, khi tội phạm bị phát hiện, bà đã nộp tiền để khắc phục hậu quả cho Nguyễn Tiến Đ. Kết quả xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm không buộc Nguyễn Tiến Đ phải bồi thường thiệt hại, nhưng lại tuyên trả số tiền bà (H) đã nộp trước đó cho Công ty Cổ phần Taxi T là không đúng và đề nghị được nhận lại số tiền này. Nội dung đề nghị của bà Hoàng Thị H trùng với nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến Đ; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định bà Hoàng Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để xem xét đơn đề nghị của bà H cùng với nội dung kháng cáo của Nguyễn Tiến Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Chí T, Trần Xuân L, Lê Văn L1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Đ và Lê Quốc C.

- Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 105/QĐ-VKSTTH-P1 ngày 27-01-2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2022/HS-ST ngày 16-01-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, theo hướng: Áp dụng thêm điểm b khoản 4 Điều 354 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Chí T, Trần Xuân L và Lê Văn L1; áp

dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Quốc C và tăng hình phạt đối với bị cáo; buộc các bị cáo Đỗ Chí T, Trần Xuân L và Lê Văn L1 phải liên đới bồi thường cho Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP tổng số tiền là 12.015.000.000 đồng.

Tại phần tranh luận: Người bào chữa và các bị cáo tranh luận công khai; nói lời sau cùng, bị cáo Lê Quốc C đề nghị tuyên bị cáo không phạm tội “Nhận hối lộ”; các bị cáo khác đều đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm hình phạt cho các bị cáo.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Tháng 9-2017, Cảng HKQT P tiến hành đấu giá công khai để nhượng quyền khai thác vận tải hành khách bằng Taxi tại Cảng HKQT P. Kết quả đấu giá có hai hãng Taxi là hãng TV và hãng Taxi T Công trúng đấu giá với số tiền là 342.500.000 đồng/tháng/hãng Taxi. Tuy nhiên, do muốn hạ số tiền đã trúng đấu giá, Giám đốc hai hãng Taxi đã trao đổi với Trần Xuân L (Kế toán trưởng Cảng HKQT P) biết ý định trên. Trần Xuân L đã trao đổi và được Đỗ Chí T (Giám đốc Cảng HKQT P), Lê Văn L1 (Phó Giám đốc Cảng HKQT P) đồng ý hạ số tiền trúng đấu giá ghi trong hợp đồng chính thức là 120.000.000 đồng/tháng/hãng Taxi kể từ ngày 30-9-2017, với điều kiện hãng TV phải đưa số tiền 165.500.000 đồng/tháng, hãng Taxi T Công phải đưa số tiền 80.000.000 đồng/tháng cho Ban Giám đốc Cảng HKQT P và được cả hai hãng Taxi đồng ý.

Do đó, từ tháng 10-2017 đến tháng 10-2019, Nguyễn Văn H (Giám đốc hãng TV) đã chỉ đạo Lý Diệu T (Kế toán trưởng) chuyển khoản cho Trần Xuân L tổng số tiền là 2.809.500.000 đồng; từ tháng 10-2019 đến tháng 4-2021, Trần Đình H (Giám đốc TV) đã chỉ đạo Lý Diệu T chuyển khoản cho Trần Xuân L tổng số tiền là 799.000.000 đồng. Từ tháng 10-2017 đến ngày 31-12-2019, Nguyễn Tiến Đ (Giám đốc Taxi T Công) chuyển khoản cho Trần Xuân L 2.648.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền ngoài hợp đồng chính thức đã ký, hai hãng Taxi chuyển cho Trần Xuân L là 6.256.500.000 đồng.

Ngoài ra, do muốn tăng thêm 12 vị trí đỗ, chờ và 01 vị trí đón khách tại Cảng HKQT P, cả hai hãng Taxi đưa thêm 12.000.000 đồng/tháng/hãng Taxi và được Đỗ Chí T và Trần Xuân L đồng ý. Trong thời gian từ tháng 02-2018 đến khi bị phát hiện, Nguyễn Văn H đã chuyển khoản cho Trần Xuân L tổng số tiền là 144.000.000 đồng. Đối với hãng Taxi T Công đưa bằng tiền mặt 3 tháng đưa 1 lần, mỗi lần 36.000.000 đồng; trong đó, có hai lần trong năm 2019, Nguyễn Tiến Đ đưa cho anh Lê Đình T để anh T đưa cho Lê Quốc C (Trưởng phòng Phòng An ninh Cảng HKQT P), với tổng số tiền là 72.000.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận:

[2.1.1]. Về hành vi “Nhận hối lộ”:

- Đối với Đỗ Chí T, Trần Xuân L, Lê Văn L1 và Phùng Tuấn D:

Các bị cáo đều là người có chức vụ, quyền hạn tại Cảng HKQT P. Để được hưởng lợi tiền của các hãng Taxi trong việc khai thác vận tải hành khách, các bị cáo đã bàn bạc, thống nhất giảm số tiền trúng đấu giá nhượng quyền khai thác vận tải hành khách bằng Taxi tại Cảng HKQT P để trực tiếp nhận tổng số tiền là 6.256.500.000 đồng của các hãng Taxi. Sau đó, Trần Xuân L chủ động chia theo

tỷ lệ cho Đỗ Chí T 685.000.000 đồng, Lê Văn L1 512.000.000 đồng, Phùng Tuấn D (Phó Giám đốc Cảng HKQT P) 185.000.000 đồng và Trần Xuân L chiếm hưởng 444.000.000 đồng. Số tiền còn lại, Trần Xuân L chi cho các hoạt động của Cảng HKQT P, nhưng không có hóa đơn chứng từ.

Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kết án các bị cáo Đỗ Chí T, Trần Xuân L, Lê Văn L1 và Phùng Tuấn D về tội “Nhận hối lộ” theo Điều 354 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Đối với Lê Quốc C:

Từ tháng 02-2018, theo yêu cầu của hai hãng Taxi là muốn có thêm 12 vị trí đỗ, chờ và 01 vị trí đón khách tại Cảng HKQT P và được sự đồng ý của Đỗ Chí T, mỗi hãng Taxi phải chuyển thêm 12.000.000 đồng/tháng cho Cảng HKQT P. Do đó, hãng TV do Nguyễn Văn H làm Giám đốc đã chuyển tổng số tiền là 144.000.000 đồng cho Trần Xuân L; hãng Taxi T Công do Nguyễn Tiến Đ làm Giám đốc chuyển bằng tiền mặt cho Lê Quốc C. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Đỗ Chí T, Trần Xuân L, Nguyễn Tiến Đ và anh Lê Đình T đều khẳng định đã đưa tiền cho Lê Quốc C; đồng thời, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận Lê Quốc C là thành viên của Hội đồng đấu giá nhượng quyền khai thác vận tải hành khách bằng Taxi tại Cảng HKQT P, bị cáo biết rõ số lượng xe Taxi muốn vào khai thác vận tải hành khách, thì phải trả tiền. Để cho hãng Taxi T Công có thêm 12 vị trí đỗ, chờ và 01 vị trí đón khách tại Cảng HKQT P, bị cáo đã nhận của Nguyễn Tiến Đ mỗi tháng 12.000.000 đồng bằng tiền mặt và tổng số tiền bị cáo đã nhận là 144.000.000 đồng. Như vậy, hành vi này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Nhận hối lộ” được quy định tại Điều 354 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kết án bị cáo về tội “Nhận hối lộ” là đúng pháp luật, không oan.

[2.1.2]. Về hành vi “Đưa hối lộ”:

Nhằm giảm số tiền trúng đấu giá nhượng quyền khai thác vận tải hành khách bằng Taxi tại Cảng HKQT P và muốn có thêm 12 vị trí đỗ, chờ và 01 vị trí đón khách tại Cảng HKQT P, Nguyễn Tiến Đ là Giám đốc hãng Taxi T Công đã đưa cho những người có chức vụ quyền hạn tại Cảng HKQT P với tổng số tiền là 2.720.000.000 đồng; Nguyễn Văn H và Trần Đình H (đều là Giám đốc hãng TV) cùng Lý Diệu T (là Kế toán trưởng hãng TV) đã đưa cho những người có chức vụ, quyền hạn tại Cảng HKQT P, với tổng số tiền là 3.752.500 đồng để họ đồng ý theo yêu cầu của hai hãng Taxi.

Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kết án các bị cáo Nguyễn Tiến Đ, Nguyễn Văn H, Lý Diệu T và Trần Đình H về tội “Đưa hối lộ” theo Điều 364 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt (đối với các bị cáo kháng cáo):

Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ nhận thức để biết việc đưa và nhận hối lộ là xâm phạm trực tiếp và làm ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước. Tuy nhiên, vì động cơ vụ lợi, các bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình rồi bàn bạc, thống nhất giảm số tiền trúng đấu giá nhượng quyền khai thác vận tải hành khách bằng Taxi và tạo thêm 12 vị trí đỗ, chờ và 01 vị trí đón khách cho các hãng Taxi tại Cảng HKQT P, từ đó làm thiệt hại số tiền tương đối lớn cho Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam. Đây là vụ án

có nhiều người cùng thực hiện tội phạm, các bị cáo phạm tội với tính chất, mức độ khác nhau, nên cần xem xét, đánh giá vai trò tham gia để cụ thể hóa mức hình phạt cho phù hợp đối với từng bị cáo.

[2.2.1]. Đối với các bị cáo phạm tội “Nhận hối lộ”:

- Đối với Đỗ Chí T và Trần Xuân L:

Đỗ Chí T là Giám đốc Cảng HKQT P, là người có trách nhiệm quản lý, điều hành và chỉ đạo toàn đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ đúng quy định của pháp luật, nhưng do hám lợi, nên sau khi được Trần Xuân L đề xuất, bị cáo đã đồng ý và chỉ đạo giảm số tiền trúng đấu giá nhượng quyền khai thác vận tải hành khách bằng Taxi, từ đó làm thiệt hại tài sản cho Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam; số tiền bị cáo nhận hối lộ lớn (685.000.000 đồng), nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính; Trần Xuân L vừa là người tham mưu, đề xuất cho Đỗ Chí T vừa là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và phạm tội rất tích cực, tổng số tiền nhận hối lộ (6.256.500.000 đồng) hầu hết do bị cáo nhận từ các hãng Taxi và bị cáo là người chủ động chia tiền nhận hối lộ cho đồng phạm, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự ngang Đỗ Chí T. Mặc dù, các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, như sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại và có thành tích xuất sắc trong công tác; tại phiên tòa phúc thẩm Đỗ Chí T cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự nguyện nộp 287.179.000 để khắc phục hậu quả theo quyết định của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, số tiền nhận hối lộ rất lớn (6.256.500.000 đồng), nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế chỉ xử phạt mỗi bị cáo 15 năm 06 tháng tù (dưới mức thấp nhất của khung hình phạt) là đã có lợi cho các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo; đồng thời, sẽ thực hiện việc kiến nghị theo thủ tục giám đốc thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với các bị cáo.

- Đối với Lê Văn L1:

Với chức vụ là Phó Giám đốc Cảng HKQT P, lẽ ra bị cáo phải cùng với Ban Giám đốc thực hiện đúng, đủ chức năng, nhiệm vụ của mình, nhưng do động cơ vụ lợi, nên khi được Trần Xuân L và Đỗ Chí T bàn bạc, thống nhất về việc giảm số tiền trúng đấu giá nhượng quyền khai thác vận tải hành khách bằng Taxi và tạo thêm 12 vị trí đỗ, chờ và 01 vị trí đón khách cho các hãng Taxi tại Cảng HKQT P, thì ngay lập tức bị cáo đồng ý thực hiện tội phạm, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm giúp sức. Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế chỉ xử phạt bị cáo 09 năm tù (dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhẹ hơn liền kề) là thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật. Mặc dù, tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự nguyện nộp 141.550.000 để khắc phục hậu quả theo quyết định của bản án sơ thẩm và cung cấp tài liệu thể hiện bị cáo có nhiều thành tích trong công tác. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, số tiền nhận hối lộ lớn (512.000.000 đồng); do đó, để cải tạo giáo dục bị cáo, cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, Hội đồng xét xử phúc thẩm không giảm hình phạt cho bị cáo.

- Đối với Lê Quốc C:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được; căn cứ Biên bản đối chất ngày 05-11-2021, giữa Lê Quốc C với Đỗ Chí T; căn cứ lời khai của các bị cáo Đỗ Chí T, Trần Xuân L, Nguyễn Tiến Đ và lời khai của anh Lê Đình T về việc Đỗ Chí T chỉ đạo cho bộ phận An Ninh (Lê Quốc C) nhận tiền của hãng Taxi T Công mỗi tháng 12.000.000 đồng, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã xác định Nguyễn Tiến Đ đưa bằng tiền mặt cho Lê Quốc C cứ ba tháng đưa một lần, với tổng số tiền là 282.000.000 đồng. Trong đó, 07 lần đưa trực tiếp cho C tại phòng làm việc của C là 210.000.000 đồng và 02 lần bỏ tiền vào phong bì (72.000.000 đồng) rồi đưa cho anh Lê Đình T - Phó trưởng phòng Phòng An ninh hàng không Cảng HKQT P để nhờ anh T đưa lại cho C; anh Lê Đình T khẳng định có nhận 02 phong bì do Đ đưa để chuyển cho C, nhưng không biết trong 02 phong bì có 72.000.000 đồng; quá trình điều tra, ban đầu Lê Quốc C thừa nhận vào đầu năm 2019, Đ đã gặp C để trao đổi việc chi cho C số tiền 12.000.000 đồng/tháng để có được 12 vị trí đỗ chờ và 01 vị trí đón khách, C đã báo cáo lại Đỗ Chí T và được T đồng ý. Sau đó, Đ trực tiếp đưa tiền mặt 12.000.000 đồng/tháng cho C, trong đó có một hai lần Đ đưa phong bì chứa tiền cho anh Lê Đình T để nhờ anh T chuyển lại cho C, nhưng sau đó Lê Quốc C luôn chối tội, không trung thực trong các lời khai của mình. Do đó, thực hiện nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế chỉ kết luận Lê Quốc C nhận hối lộ 12.000.000 đồng/tháng (ba tháng 01 lần) của Nguyễn Tiến Đ trong năm 2019, với tổng số tiền là 144.000.000 đồng. Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận Lê Quốc C 02 lần nhận tiền hối lộ với tổng số tiền là 72.000.000 đồng, từ đó áp dụng khoản 1 Điều 354 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là có lợi cho bị cáo. Vì vậy, các lần nhận hối lộ, số tiền nhận hối lộ và hình phạt áp dụng đối với Lê Quốc C sẽ được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tại phần xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Như vậy, kháng cáo kêu oan của bị cáo đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2.2]. Đối với các bị cáo phạm tội “Đưa hối lộ”:

Nhằm giảm số tiền trúng đấu giá nhượng quyền khai thác vận tải hành khách bằng Taxi tại Cảng HKQT P và muốn có thêm 12 vị trí đỗ, chờ và 01 vị trí đón khách tại Cảng HKQT P, Nguyễn Tiến Đ (Giám đốc hãng Taxi T Công) đã đưa cho những người có chức vụ quyền hạn tại Cảng HKQT P với tổng số tiền là 2.720.000.000 đồng; Nguyễn Văn H và Trần Đình H (đều là Giám đốc hãng TV) cùng Lý Diệu T (là Kế toán trưởng hãng TV) đã đưa cho những người có chức vụ, quyền hạn tại Cảng HKQT P, với tổng số tiền 3.752.500 đồng để họ đồng ý theo yêu cầu của hai hãng Taxi này.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là đưa lợi ích vật chất cho người có chức vụ, quyền hạn để nhằm mục đích có lợi cho hoạt động kinh doanh của công ty do mình có trách nhiệm quản lý, từ đó các bị cáo có chức vụ, quyền hạn tại Cảng HKQT P đã giảm tiền trúng đấu giá nhượng quyền khai thác vận tải hành khách bằng Taxi cho công ty của các bị cáo. Tính đến thời điểm tội phạm được phát hiện (từ ngày 01-10-2017 đến ngày 31-12-2019), thì Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam và

Cảng HKQT P bị thiệt hại là 12.015.000.000 đồng từ việc giảm giá nhượng quyền khai thác vận tải hành khách bằng Taxi. Tuy nhiên, do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm điều tra tội phạm, do đó Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt mỗi bị cáo 07 năm tù (mức khởi điểm của khung hình phạt nhẹ hơn liền kề) là đã có lợi cho các bị cáo. Mặc dù, tại Tòa án cấp phúc thẩm, Nguyễn Tiến Đ cung cấp được chứng cứ là có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo có thành tích trong tổ giác tội phạm; còn Nguyễn Văn H cung cấp chứng cứ là được tặng bằng khen trong quá trình công tác, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng; phạm tội nhiều lần; của đưa hối lộ tương đối lớn. Vì vậy, để cải tạo giáo dục đối với các bị cáo, cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, Hội đồng xét xử phúc thẩm không giảm hình phạt cho các bị cáo.

Ngoài kháng cáo xin giảm hình phạt, thì Nguyễn Văn Đ còn kháng cáo đề nghị trả lại số tiền 1.300.000.000 đồng cho gia đình bị cáo. Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, ngay sau khi tội phạm bị phát hiện, bà Hoàng Thị H (là vợ của Nguyễn Tiến Đ) đã tự nguyện nộp 1.300.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo, nhưng lại ghi tên người nộp là Công ty TV. Bà Hoàng Thị H khẳng định Ban Giám đốc công ty yêu cầu bà ghi như vậy để có căn cứ giảm án cho bị cáo, nếu sau này được Tòa án tuyên trả, thì công ty sẽ trả lại cho bà. Xét thấy, số tiền thực tế là do bà Hoàng Thị H tự bỏ tiền cá nhân nộp để khắc phục hậu quả cho Nguyễn Văn Đ. Tuy nhiên, thiệt hại trong vụ án này hoàn toàn do lỗi của các bị cáo phạm tội “Nhận hối lộ”, Nguyễn Văn Đ không phải bồi thường thiệt hại, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ tuyên trả số tiền 1.300.000.000 đồng cho bà Hoàng Thị H.

Như vậy, kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Văn H đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng chỉ có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của Nguyễn Văn Đ (Phần xử lý vật chứng).

[3]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế:

[3.1]. Về số tiền thiệt hại và pháp luật áp dụng:

Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cho rằng: “*Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam không xác định được số tiền thiệt hại; đồng thời, cũng không có quy định cụ thể về giá nhượng quyền khai thác vận tải hành khách bằng Taxi tại Cảng HKQT P là bao nhiêu?, mà tùy thuộc vào kế hoạch kinh doanh của đơn vị; từ tháng 10-2017 cho đến khi bị phát hiện, Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam đã nhận số tiền do Cảng HKQT P chuyển tới là 240.000.000 đồng/tháng và không có ý kiến gì. Sau khi vụ án bị phát hiện, tiến hành đấu giá lại và có 04 hãng Taxi trúng đấu giá với số tiền 70.000.000 đồng/tháng/hãng Taxi, tương đương với tổng số tiền 280.000.000 đồng/tháng. Do đó, chưa đủ căn cứ để xác định số tiền đã gây thiệt hại cho Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam từ tháng 10-2017 cho đến khi bị phát hiện như cáo trạng truy tố, nên các bị cáo Đỗ Chí T, Trần Xuân L và Lê Văn L1 không phạm vào tình tiết tăng nặng định khung theo điểm b khoản 4 Điều 354 của Bộ luật Hình sự*” là không có căn cứ, bởi lẽ: Theo quy chế đấu giá số 345/QC-

CHKQT ngày 15-9-2017 của Cảng HKQT P, thì giá ký hợp đồng là giá bình quân của hai hãng Taxi trúng đấu cao nhất. Kể từ ngày trúng đấu giá, thì giá trúng đấu được xác định là tài sản của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam. Do đó, hành vi của các bị cáo tự ý giảm giá ký hợp đồng đã làm cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam bị thiệt hại về tài sản. Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để xác định thiệt hại trong vụ án này như sau: Số tiền thiệt hại được xác định là: 342.500.000 đồng (giá trúng đấu cao của mỗi hãng, sau khi đã chia bình quân) + 120.000.000 đồng (giá được giảm, ghi chính thức trong hợp đồng) = 222.500.000 đồng x 27 tháng (từ ngày 01-10-2017 đến ngày 31-12-2019) x 2 (hãng Taxi) = 12.015.000.000 đồng (số tiền thiệt hại). Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm điểm b “Gây thiệt hại về tài sản từ 5.000.000.000 đồng trở lên” khoản 4 Điều 354 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Chí T, Trần Xuân L và Lê Văn L1 là có căn cứ.

Tuy nhiên, kháng nghị không đề nghị tăng hình phạt, nên do giới hạn của việc xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ áp dụng thêm điểm b khoản 4 Điều 354 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; đồng thời, thực hiện việc kiến nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, theo hướng tăng hình phạt đối với các bị cáo Đỗ Chí T và Trần Xuân L.

[3.2]. Về việc bồi thường thiệt hại:

Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế căn cứ Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự: “*Tách vấn đề bồi thường dân sự để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu*” là không đúng với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và không giải quyết triệt để vụ án, bởi lẽ: Số tiền thiệt hại đã được xác định là số tiền chênh lệch từ số tiền trúng đấu giá với số tiền ghi trong hợp đồng, đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định là 27 tháng x 222.500.000 đồng x 2 = 12.015.000.000 đồng.

Để mọi thiệt hại phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời, tránh làm thất thoát tài sản của Nhà nước, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam toàn bộ số tiền thiệt hại mà các bị cáo đã gây ra. Trong vụ án này, thiệt hại chủ yếu là do các bị cáo Đỗ Chí T, Trần Xuân L và Lê Văn L1 gây ra, nhưng tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo khác nhau; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xác định trách nhiệm bồi thường theo lỗi của từng bị cáo, cụ thể: Đỗ Chí T là người chịu trách nhiệm chính trong mọi hoạt động của Cảng, nhưng sau khi được Trần Xuân L đề xuất, bị cáo đã đồng ý và chỉ đạo giảm số tiền trúng đấu giá; Trần Xuân L vừa là người tham mưu, đề xuất cho Đỗ Chí T vừa là người thực hiện rất tích cực hành vi phạm tội, tổng số tiền nhận hối lộ hầu hết do bị cáo nhận. Vì vậy, các bị cáo (T, L) phải chịu trách nhiệm ngang nhau về việc bồi thường thiệt hại, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường là 45% trên tổng số tiền thiệt hại; đối với Lê Văn L1, sau khi được Trần Xuân L và Đỗ Chí T bàn bạc, thống nhất về việc giảm tiền trúng đấu giá nhượng quyền khai thác vận tải hành khách, bị cáo đã đồng ý thực hiện tội phạm, nên bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại với 10% trên tổng số tiền thiệt hại còn lại, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tại phiên toà sơ thẩm là phù hợp.

[3.3]. Về việc áp dụng pháp luật và hình phạt đối với Lê Quốc C:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để xác định Nguyễn Tiến Đ cứ ba tháng đưa bằng tiền mặt cho Lê Quốc C một lần, tổng số tiền C đã nhận là 282.000.000 đồng. Trong đó, 07 lần đưa trực tiếp cho C tại phòng làm việc của C là 210.000.000 đồng, 02 lần Đ bỏ tiền vào phong bì (72.000.000 đồng) rồi đưa cho anh Lê Đình T - Phó trưởng phòng Phòng An ninh hàng không Cảng HKQT P để nhờ anh T đưa lại cho C. Tuy nhiên, quá trình điều tra, Lê Quốc C khai không thống nhất về hành vi phạm tội của mình và sau đó chối tội. Do đó, thực hiện nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế chỉ kết luận Lê Quốc C nhận hối lộ 12.000.000 đồng/tháng (ba tháng 01 lần) của Nguyễn Tiến Đ trong năm 2019, với tổng số tiền là 144.000.000 đồng, nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế lại kết luận Lê Quốc C 02 lần nhận hối lộ, với tổng số tiền là 72.000.000 đồng, từ đó áp dụng khoản 1 Điều 354 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là áp dụng không đúng pháp luật. Trong trường hợp, chỉ có căn cứ xác định Lê Quốc C phạm tội 02 lần, mỗi lần 36.000.000 đồng, nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế không áp dụng điểm đ “Phạm tội 02 lần trở lên” khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự là thực hiện không đúng Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30-12-2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ. Để xử lý đúng hành vi phạm tội, nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định Lê Quốc C thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” và chỉ áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo.

Như vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Kiến nghị của Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Đây là vụ án có nhiều người cùng thực hiện tội phạm, tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội; làm ảnh hưởng niềm tin của nhân dân, của doanh nghiệp đối với hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước; đồng thời, các lần phạm tội của các bị cáo đều thuộc trường hợp nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đều xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho một số bị cáo được hưởng án treo là vi phạm pháp luật. Để giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật; áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét, kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng không xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và không cho một số bị cáo được hưởng án treo, cụ thể:

[4.1]. Đối với nhóm tội “Nhận hối lộ”:

[4.1.1]. Đối với Đỗ Chí T và Trần Xuân L:

Các bị cáo phạm tội với tình tiết định khung hình phạt “Của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên” được quy định tại a khoản 4 Điều 354 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để kết luận

các bị cáo phạm tội thêm tình tiết định khung hình phạt là: “Gây thiệt hại về tài sản từ 5.000.000.000 đồng trở lên”, được quy định tại b khoản 4 Điều 354 của Bộ luật Hình sự. Mặc dù, các bị cáo đều có đủ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; phạm tội nhiều lần, diễn ra trong một thời gian dài, số tiền nhận hối lộ rất lớn, nhưng Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình là không nghiêm; chưa đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này trong tình hình hiện nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị Chánh án Toà án nhân dân tối cao xem xét, kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng không áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, tăng hình phạt đối với các bị cáo Đỗ Chí T và Trần Xuân L.

[4.1.2]. Đối với Phùng Tuấn D:

Phùng Tuấn D là Phó Giám đốc Cảng HKQT P, bị cáo biết rõ việc Ban giám đốc Cảng HKQT P giảm số tiền trúng đấu giá nhượng quyền khai thác vận tải hành khách bằng Taxi cho hãng TV và hãng Taxi T Công là trái pháp luật, nhưng do hám lời, bị cáo đã 09 lần nhận hối lộ, với tổng số tiền nhận hối lộ từ Trần Xuân L là 185.000.000 đồng; trong đó, lần ít nhất là 10.000.000 đồng, lần nhiều nhất là 50.000.000 đồng. Bị cáo bị truy tố và xét xử theo các điểm c, đ khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ “07 năm đến 15 năm”; đồng thời, mỗi lần nhận tiền hối lộ của bị cáo đều thuộc trường hợp nghiêm trọng. Tuy nhiên, Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế lại áp dụng khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 03 năm tù (mức trên khởi điểm của khung hình phạt nhẹ nhất liên kề của điều luật) và cho bị cáo được hưởng án treo là vi phạm nghiêm trọng điểm b khoản 5.6 Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/VBHD-TANDTC ngày 07-9-2022 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Để áp dụng đúng pháp luật, xử lý đúng hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Chánh án Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét, kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng không áp dụng khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; tăng hình phạt và không cho bị cáo Phùng Tuấn D được hưởng án treo.

[4.2]. Đối với nhóm tội “Đưa hối lộ”:

[4.2.1]. Đối với Lý Diệu T:

Lý Diệu T đã 12 lần chuyển tiền hối lộ cho Trần Xuân L thông qua tài khoản đứng tên Hồ Văn L1 với tổng số tiền hối lộ là 3.608.500.000 đồng; trong đó, lần ít nhất là 36.000.000 đồng, lần nhiều nhất là 540.000.000 đồng. Lý Diệu T là Kế toán trưởng của Công ty TV, bị cáo có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, biết rõ việc đưa hối lộ là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn công ty nơi mình làm việc được hưởng lợi từ việc giảm tiền trúng đấu giá nhượng quyền khai thác vận tải hành khách, bị cáo đã liên tục đưa hối lộ cho người có chức vụ, quyền hạn. Trong vụ án này, bị cáo tham gia với vai trò là người thực hành rất tích cực, bị cáo phạm tội nhiều lần, trong đó có 07 lần thuộc trường hợp nghiêm trọng (100.000.000 đồng trở lên) và 02 lần thuộc trường hợp rất nghiêm trọng (540.000.000 đồng). Do đó, bị cáo bị truy tố và xét xử theo khoản 4 Điều 364 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ “12 năm đến 20 năm”. Tuy nhiên, Toà

án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nhận định “... Lý Diệu T là người giúp sức trong vụ án đồng phạm, nhưng có vai trò không đáng kể, nên áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, nhưng không bắt buộc trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn” để từ đó áp dụng khoản 2 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 03 năm tù và cho bị cáo hưởng án treo là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng Bộ luật Hình sự và vi phạm nghiêm trọng quy định tại điểm b khoản 5.6 Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/VBHD-TANDTC ngày 07-9-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Để áp dụng đúng pháp luật, xử lý đúng hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét, kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng không áp dụng khoản 2 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; tăng hình phạt và không cho bị cáo Lý Diệu T được hưởng án treo.

[4.2.2]. Đối với Trần Đình H:

Từ tháng 10-2019 đến tháng 4-2021, Trần Đình H làm Giám đốc Công ty TV thay Nguyễn Văn H. Trần Đình H báo cáo việc chuyển tiền ngoài hợp đồng cho Nguyễn Văn H biết (lúc này H là Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty) rồi H 03 (ba) lần thực hiện việc chuyển tiền hối lộ cho Trần Xuân L qua tài khoản mang tên Hồ Văn L1 (bạn L), với tổng số tiền là 799.000.000 đồng; trong đó, lần thứ nhất 480.000.000 đồng, lần thứ hai 239.000.000 đồng và lần thứ ba là 80.000.000 đồng. Như vậy, trong 03 lần chuyển tiền hối lộ này, thì có 02 lần thuộc trường hợp nghiêm trọng. Do đó, bị cáo bị truy tố và xét xử theo khoản 3 Điều 364 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ “07 năm đến 12 năm”. Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cho rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, từ đó áp dụng khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo là vi phạm nghiêm trọng quy định tại điểm b khoản 5.6 Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/VBHD-TANDTC ngày 07-9-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Để áp dụng đúng pháp luật, xử lý đúng hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét, kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng không áp dụng khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; tăng hình phạt và không cho bị cáo Trần Đình H được hưởng án treo.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[6]. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Chí T, Trần Xuân L, Lê Văn L1, Nguyễn Văn H và Lê Quốc C.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của Nguyễn Văn Đ (Phần xử lý vật chứng).

- Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 105/QĐ-VKSTTH-P1 ngày 27-01-2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2022/HS-ST ngày 16-01-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về Phần áp dụng pháp luật và Phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với các bị cáo Đỗ Chí T, Trần Xuân L và Lê Văn L1; Phần áp dụng pháp luật và hình phạt đối với bị cáo Lê Quốc C và Phần xử lý vật chứng đối với số tiền tuyên trả cho bị đơn dân sự.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Áp dụng các điểm a, b khoản 4, khoản 5 Điều 354; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Đỗ Chí T** 15 (**mười lăm**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28-7-2021.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ quản lý trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.2. Áp dụng các điểm a, b khoản 4, khoản 5 Điều 354; các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Trần Xuân L** 15 (**mười lăm**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24-7-2021.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ quản lý trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.3. Áp dụng các điểm a, b khoản 4, khoản 5 Điều 354; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Lê Văn L1** 09 (**chín**) năm tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28-7-2021.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ quản lý trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.4. Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Lê Quốc C** 07 (**bảy**) năm tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08-01-2022.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ quản lý trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.5. Áp dụng khoản 4 Điều 364; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Tiến Đ** 07 (**bảy**) năm tù về tội “Đưa hối lộ”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian đã tạm giam, từ ngày

19-11-2021 đến ngày 25-8-2022).

2.6. Áp dụng khoản 4 Điều 364; các điểm s, r, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Văn H 07 (bảy)** năm tù về tội “Đưa hối lộ”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian đã tạm giam, từ ngày 19-11-2021 đến ngày 25-8-2022).

3. Về Trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 587 và khoản 2 Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Đỗ Chí T, Trần Xuân L và Lê Văn L1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam số tiền 12.000.000.000 đồng (làm tròn), được chia theo phần, cụ thể:

- Đỗ Chí T phải bồi thường 5.400.000.000 đồng (năm tỷ bốn trăm triệu đồng).

- Trần Xuân L phải bồi thường 5.400.000.000 đồng (năm tỷ bốn trăm triệu đồng). Tạm giữ của Trần Xuân L số tiền 3.338.025.000 đồng (ba tỷ ba trăm ba mươi tám triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án.

- Lê Văn L1 phải bồi thường 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng).

4. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bà Hoàng Thị H, sinh năm 1988; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Phòng 110, tầng 1, Tòa nhà 2B, khu đô thị An Vân D, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) trong tổng số tiền 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng) do Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã tuyên trả lại cho Công ty Cổ phần Taxi T.

(Số tiền tuyên trả lại có trong tổng số tiền mà Kho bạc Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế chuyển cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế theo Ủy nhiệm chi lập ngày 22-9-2022).

5. Kiến nghị:

Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

5.1. Kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng không áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, tăng hình phạt đối với các bị cáo Đỗ Chí T và Trần Xuân L.

5.2. Kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng không áp dụng khoản 2 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Diệu T; không áp dụng khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phùng Tuấn D và Trần Đình H; tăng hình phạt và không cho các bị cáo Lý Diệu T, Phùng Tuấn D và Trần Đình H được hưởng án treo.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đỗ Chí T, Trần Xuân L, Lê Văn L1, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H và Lê Quốc C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế (05 bản, để giao cho T, L, L1 và C, mỗi bị cáo 01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THA dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các bị cáo tại ngoại (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường